

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN HSD**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP THÔNG TIN HSD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HSD., LTD

Tên công ty viết tắt: HSD INFORMATION SERVICES AND TRADING COMPANY LIMITED

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109888496

**3. Ngày thành lập:** 14/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm 1, thôn Ngọc Chi, Xã Vĩnh Ngọc, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *cungcapthongtin.hsd@gmail.co* Fax:  
*m*

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                            | 4330     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                                             | 4649     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) | 4659     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);                                                               | 4669     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                       | 8299     |
| 6.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                   | 9329     |
| 7.  | Cổng thông tin<br>(Trừ báo chí)                                                                                                                                                           | 6312     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chỉ bao gồm:<br>- Dịch vụ tìm kiếm và cung cấp thông tin trong lĩnh vực kinh tế, dân sự .<br>- Dịch vụ tư vấn và cung cấp thông tin trong lĩnh vực Hôn nhân và Gia đình .<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí. (không bao gồm dịch vụ môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài, tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, dịch vụ điều tra và trừ thông tin Nhà nước cấm) | 6399(Chính) |
| 9.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6619        |
| 10. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7310        |
| 11. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7320        |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710        |
| 13. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4690        |
| 14. | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện cho xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2930        |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5210        |
| 16. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5510        |
| 17. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5590        |
| 18. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7721        |
| 19. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7729        |
| 20. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3314        |
| 21. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 22. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4212        |
| 23. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4223        |
| 24. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình xử lý bùn.<br>- Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4229        |
| 25. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4759        |
| 26. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4761        |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TRUNG HIẾU \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nam*  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: *26/10/1994* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *060988341*  
Ngày cấp: *22/11/2010* Nơi cấp: *Công an tỉnh Yên Bái*  
Địa chỉ thường trú: *Xóm Yên Thịnh, Xã An Thịnh, Huyện Văn Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *Phòng 1108 OCT2 DN2 Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội